

# Quá trình hình thành và phát triển luận lý học Phật giáo

ISSN: 2734-9195 09:35 08/07/2025

Khởi nguồn từ sự cần thiết diễn giải giáo lý Phật giáo một cách chặt chẽ, logic và phân bác các luồng tư tưởng đương thời, luận lý học Phật giáo đã dần hình thành một hệ thống tư duy riêng biệt, độc đáo.

Tác giả: **Thích nữ Nguyệt Viên (Vũ Thị Loan)**  
Học viên Cao học K3 - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

## I. Đặt vấn đề:

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Luận lý học (Logic) trong Phật giáo là nền tảng giúp phân tích và diễn giải giáo lý Phật giáo. Việc nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của Luận lý học Phật giáo giúp hiểu rõ cách các nhà Phật học cổ đại thiết lập các nguyên tắc tư duy và tranh biện, nhằm đạt đến sự hiểu biết chân thật khách quan.

Sự hình thành và phát triển của Phật giáo cũng trải qua nhiều giai đoạn và tiếp xúc với các nền văn hóa, tư tưởng khác nhau như Triết học phương Đông, triết học phương Tây. Luận lý học Phật giáo đóng vai trò cầu nối trong việc đối thoại giữa các tư tưởng này, giúp hiểu rõ hơn về sự tương đồng và khác biệt trong cách tiếp cận tri thức.

Bên cạnh đó, luận lý học Phật giáo không chỉ giới hạn ở lĩnh vực triết học, mà còn có giá trị thực tiễn trong đời sống hiện đại. Nó giúp con người rèn luyện khả năng tư duy phản biện, phân tích vấn đề một cách logic, đồng thời giữ được tinh thần từ bi và trí tuệ.

## 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

### 2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận lý học trong Phật giáo ra đời với mục đích khám phá các khái niệm cốt lõi, các nguyên lý tư duy logic và sự vận dụng chúng trong triết học Phật giáo, trong các bộ kinh luận nổi bật. Nhằm để giải thích, bảo vệ và phát triển các giáo lý Phật giáo.

Bên cạnh đó, còn tìm hiểu sự tương đồng và khác biệt giữa Luận lý học Phật giáo với các hệ thống tư duy khác, như Luận lý học phương Tây hoặc các hệ tư tưởng triết học khác tại Ấn Độ, đặc biệt là trong công việc giải quyết vấn đề khúc mắc để rèn luyện tư duy, phát triển tinh thần từ bi, trí tuệ. Nhằm nâng cao giá trị thực tiễn của Luận lý học Phật giáo trong đời sống hiện đại, góp phần làm sáng tỏ di sản tư tưởng này trong cả học thuật lẫn thực tiễn, cũng như việc hỗ trợ người tu tập đạt được sự giác ngộ.

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Đưa ra các khái niệm và tầm quan trọng của luận lý học Phật giáo, nhằm hiểu rõ hơn về giáo lý và sự thực hành trong Phật giáo.

Trình bày những ảnh hưởng của trường phái triết học đương thời cổ đại trong các giai đoạn phát triển của luận lý học cho đến ngày nay đã được xác định trong Kinh điển có nhiều đại luận sư đã đóng góp tích cực như Ngài Long Thọ, Thánh Thiên, Trần Na, Nguyệt Xứng.

Và giải thích các nguyên lý luận lý căn bản như lý luận nhân quả trong nhân minh học, phương pháp luận trong nghiên cứu và thực hành Phật giáo trong các hệ thống tư duy logic như Logic Hy Lạp cổ đại, logic hiện đại.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Ấn Độ là nơi đặt nền móng cho Luận lý học Phật giáo, cũng được xem là nơi có nhiều yếu tố để hiểu rõ hơn về sự phát triển của lĩnh vực của Phật giáo. Hơn nữa, đề tài cũng chú trọng đến vai trò của các nhà tư tưởng lớn về sự hình thành của các trường phái liên quan, cũng như sự truyền bá Luận lý học Phật giáo sang các khu vực lân cận như Trung Quốc, Tây Tạng, và Đông Nam Á. Đặc biệt, nghiên cứu không chỉ so sánh Luận lý học Phật giáo với các hệ thống logic khác, mà còn tìm hiểu các ứng dụng thực tiễn của Luận lý học Phật giáo trong giáo dục, tranh biện, và đời sống thường nhật. Toàn bộ những đối tượng nghiên cứu này đều nhằm mục tiêu làm sáng tỏ giá trị lý thuyết và thực tiễn của Luận lý học Phật giáo trong cả lịch sử và hiện đại.

### 3.2. Phạm vi nghiên cứu

Sự hình thành và phát triển của Luận lý học Phật giáo từ giai đoạn khởi nguồn tại Ấn Độ cổ đại đến sự truyền bá và phát triển tại các khu vực như Trung Quốc, Tây Tạng và Đông Nam Á. Nghiên cứu chủ yếu xoay quanh các tác phẩm kinh điển của Luận lý học Phật giáo, cũng như các văn bản và tư tưởng liên quan.

Về mặt thời gian, đề tài tập trung vào các giai đoạn lịch sử quan trọng, từ thời kỳ hình thành các nguyên lý cơ bản cho đến khi Luận lý học Phật giáo đạt đến sự hoàn thiện và lan tỏa. Ngoài ra, phạm vi nghiên cứu còn bao gồm các yếu tố văn hóa, triết học và xã hội đã tác động đến sự phát triển của Luận lý học Phật giáo, cũng đề cập đến các ứng dụng thực tiễn của Phật giáo trong giáo dục, tư duy phản biện và đời sống hiện đại, nhằm khẳng định giá trị bền vững của di sản này.

## 4. Kết cấu của đề tài

Để đảm bảo tính logic và mạch lạc trong việc trình bày nội dung, tiểu luận với đề tài "*Quá trình hình thành và phát triển Luận lý học Phật giáo*" gồm có ba phần được triển khai một cách toàn diện như sau:

Phần mở đầu, trình bày lý do chọn đề tài, tính cấp thiết của nghiên cứu, mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Phần nội dung, được chia thành ba chương.

Chương 1: Khái quát về luận lý học Phật giáo.

Chương 2: Giai đoạn hình thành và phát triển của luận lý học Phật giáo

Chương 3: Vai trò và ứng dụng hiện đại của luận lý học Phật giáo

Phần kết luận, tổng hợp những kết quả nghiên cứu đạt được, khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của đề tài, đồng thời đưa ra những gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo.

## II. Nội dung

### Chương 1: Khái quát về luận lý học Phật giáo

#### 1.1 Luận lý học Phật giáo là gì?

Luận lý học Phật giáo là một hệ thống tư duy và lý luận chặt chẽ được phát triển nhằm giải thích, bảo vệ và truyền bá giáo lý đức Phật. Xuất phát từ nhu cầu đối thoại và tranh luận với các trường phái triết học khác ở Ấn Độ cổ đại, luận lý học Phật giáo đã trở thành một công cụ quan trọng để làm sáng tỏ những khía cạnh sâu sắc, giáo lý như Tính Không và Duyên Khởi. Các luận sư như Trần Na (Dignāga) và Pháp Xứng (Dharmakīrti) đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng và phát triển Nhân Minh Học, đặt nền móng trong lịch sử Phật giáo. Trong bối cảnh của luận lý học Phật giáo, thì “Lý” được chia thành hai giai đoạn phát triển, đó là: Cổ Chính lý, Tân Chính lý.

### **1.1.1. Phương Đông**

Thuật ngữ luận lý học có gốc từ Ấn Độ. Luận lý Ấn Độ có hai học phái chủ yếu: Nyaya (Chính lý) và Luận lý học Phật giáo (Nhân minh học).

Chính minh học xây dựng trên nền tảng cổ Chính lý. Nhân minh học bao gồm: cổ Nhân minh, tân Nhân minh.

Từ nhân trong nhân minh có nghĩa căn cứ của lập luận; Từ minh trong nhân minh có nghĩa là làm rõ.

Nhân minh là một trong năm môn học của Phật giáo, gọi là ngũ minh, đó là:

- Nội minh: Nghiên cứu giáo lý đạo Phật.
- Y phương minh: Nghiên cứu việc trị bệnh, cho thuốc.
- Công xảo minh: Nghiên cứu công kỹ nghệ.
- Thanh minh: Nghiên cứu các ngôn ngữ, văn phạm, tu từ học.
- Nhân minh: Nghiên cứu luận lý học - Logic học

Như vậy, Nhân minh học là một bộ môn khoa học nghiên cứu về tư duy.

- Nhân minh học cũ, được đại diện bởi Triết phái Nyāya. Theo truyền thuyết, vị Tổ sáng lập ra triết phái Nhân minh cũ là Gotama, có tên là A.Ksapada

- Nhân minh mới, là môn học của Phật giáo, do luận sư Dignāga thành lập (Dignāga được xem là đã sáng lập ra môn Luận lý học Phật giáo. Dignāga lại là học trò trực tiếp của Luận sư Duy Thức nổi tiếng Vasubandhu (Thế Thân), sống vào cuối thế kỷ thứ V. Nhân minh trước thời Dignāga được gọi là Cổ Nhân Minh, còn Nhân minh trở về sau là Tân Nhân minh, là thời của Pháp Xứng.

### **1.1.2. Phương Tây**

Thuật ngữ luận lý học/lô gic có gốc từ tiếng Hy Lạp là logos. Logos có nghĩa là tư tưởng, ngôn từ, suy tư, lập luận, trí tuệ, lý tính, ý nghĩa, chuẩn mực, quy luật. Thuật ngữ này ngày càng hoàn thiện, với những nội dung ngày càng phong phú. Hiện nay, thuật ngữ này được sử dụng theo các nghĩa sau:

- Chỉ những mối liên hệ tất yếu giữa các sự vật, hiện tượng trong thế giới hiện thực khách quan. Đó chính là lôgic khách quan.
- Chỉ những mối liên hệ tất yếu giữa các tư tưởng trong quá trình suy nghĩ, lập luận của tư duy. Đó chính là lôgic chủ quan.
- Chỉ một bộ môn khoa học nghiên cứu về các hình thức và quy luật của tư duy; nghiên cứu những điều kiện cần thiết để tư duy tiếp cận chân lý. Đó chính là lôgic học.

Vậy nên, khi nói đến luận lý học, Phương Đông và phương Tây tuy có điểm khác nhau, nhưng đều thống nhất với nhau rằng, đây là môn khoa học nghiên cứu về tư duy trong hệ thống triết học Phật giáo, là học thuyết về phán đoán, về Tam đoạn luận của Aristoteles và các cuộc tranh luận Phật giáo.

## **1.2. Khái quát của sự hình thành và phát triển luận lý học Phật giáo**

Sự hình thành và phát triển của luận lý học Phật giáo mang ý nghĩa sâu sắc cả về phương diện triết học lẫn thực tiễn tâm linh. Trước hết, luận lý học Phật giáo đóng vai trò là công cụ quan trọng giúp củng cố và hệ thống hóa giáo lý của đức Phật, tạo nên một nền tảng lý luận chặt chẽ để phản biện và đối thoại với các trường phái triết học khác như Nyāya, Sāṅkhya hay Vedānta. Điều này không chỉ giúp bảo vệ giáo lý Phật giáo trước những thách thức về tri thức mà còn khẳng định tính khoa học và hợp lý của Phật pháp.

Xét thấy trong luận lý học Phật giáo hỗ trợ hành giả trong việc phân biệt chính - tà, giúp loại bỏ những sự sai trái để đạt được nhận thức đúng đắn về bản chất của vô thường, vô ngã, và tính không. Những nguyên tắc nhận thức đúng đắn như pratyakṣa (nhận thức trực tiếp) và anumāna (nhận thức suy luận) không chỉ là công cụ lý thuyết mà còn được ứng dụng trong thiền định và thực hành tâm linh, giúp người tu tập tiếp cận chân lý một cách rõ ràng và sâu sắc.

Hơn nữa, sự phát triển của luận lý học Phật giáo đã tạo nên ảnh hưởng lâu dài, không chỉ trong các truyền thống Phật giáo Ấn Độ, mà còn truyền bá sang các nước Đông Nam Á. Trong thời hiện đại, hệ thống này tiếp tục được nghiên cứu trong lĩnh vực triết học nhận thức, tâm lý học, và khoa học, góp phần vào việc

giải quyết các vấn đề về nhận thức và ý thức trong đời sống tri thức hiện đại.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

## **Chương 2: Giai đoạn hình thành và phát triển của luận lý học Phật giáo**

### **2.1. Giai đoạn hình thành**

#### **2.1.1. Nguồn gốc và bối cảnh lịch sử của Luận lý học Phật giáo**

Luận lý học Phật giáo hình thành và phát triển trong bối cảnh Ấn Độ cổ đại, một giai đoạn mà các cuộc tranh luận triết học giữa các trường phái diễn ra vô cùng sôi nổi và đa dạng. Ấn Độ thời kỳ này được coi là trung tâm của tư tưởng triết học và tôn giáo, nơi nhiều trường phái như Số Luận (Sāṃkhya), Du Già Hành Tông (Yogācāra), và Nhất Thần Giáo (Vedānta) cùng tồn tại và phát triển mạnh mẽ. Các cuộc tranh luận không chỉ giới hạn ở những vấn đề siêu hình như bản chất của thực tại và tâm thức, mà còn mở rộng ra các lĩnh vực đạo đức và nhận thức luận. Mỗi trường phái đều cố gắng sử dụng lý luận để bảo vệ quan điểm của mình và phản bác lại các quan điểm đối lập.

Trong bối cảnh đó, Phật giáo cũng nổi lên như một trường phái lớn với những giáo lý đặc sắc, đặc biệt là tính không (śūnyatā) và duyên khởi (pratīyasamutpāda). Tuy nhiên, để bảo vệ và truyền bá những giáo lý này, Phật giáo cần một hệ thống lý luận chặt chẽ và rõ ràng. Các luận sư Phật giáo phải đối mặt với những thách thức từ các trường phái khác, buộc họ phải phát triển một hệ thống luận lý mạnh mẽ để không chỉ bảo vệ mà còn làm sáng tỏ những khái niệm sâu sắc của mình.

Nhu cầu bảo vệ và giải thích giáo lý Phật giáo trước các trường phái triết học khác trở thành động lực quan trọng cho sự ra đời và phát triển của luận lý học Phật giáo. Không chỉ để đối thoại với ngoại đạo, mà còn để giải quyết những tranh luận nội bộ, làm rõ các khái niệm phức tạp và đảm bảo sự hiểu biết đúng đắn trong cộng đồng Phật giáo. Hệ thống luận lý này, sau này được gọi là Nhân Minh học (Hetuvidya), đóng vai trò quan trọng trong việc giúp Phật giáo khẳng định vị thế triết học của mình, cũng như củng cố và phát triển giáo lý qua các thế hệ. Những luận sư như Dignāga và Dharmakīrti đã đóng góp to lớn trong việc xây dựng nền móng và phát triển hệ thống này, tạo nên một truyền thống lý luận phong phú và sâu sắc trong lịch sử triết học Phật giáo.

### **2.1.2. Những lý luận của Phật giáo thời kỳ đầu**

Luận lý học Phật giáo bắt đầu từ những phương pháp đơn giản nhưng mang tính thực tiễn và sâu sắc, được thể hiện rõ trong các kinh điển Phật giáo Nguyên thủy. Các bài kinh này không chỉ truyền tải giáo lý của đức Phật mà còn thể hiện khả năng lý luận thông qua cách giảng dạy trực tiếp và dễ hiểu, giúp người nghe tiếp cận chân lý một cách rõ ràng.

Một trong những phương pháp luận lý đơn giản nhưng hiệu quả được đức Phật sử dụng là việc đặt câu hỏi và đưa ra các ví dụ thực tế để dẫn dắt người nghe đến sự hiểu biết sâu sắc. Kinh Tứ Diệu Đế là một minh chứng cho phương pháp này, nơi đức Phật giải thích bản chất của khổ đau và con đường giải thoát thông qua bốn chân lý cao quý: khổ - tập - diệt - đạo. Thay vì áp đặt những luận điểm cứng nhắc, Ngài khuyến khích người nghe tự mình suy xét và trải nghiệm để nhận ra chân lý.

Phương pháp duyên khởi (pratīyasamutpāda) cũng là một ví dụ điển hình về cách đức Phật sử dụng lý luận để giải thích sự tồn tại và vận hành của các hiện tượng. Thông qua nguyên lý duyên khởi, đức Phật chỉ ra rằng mọi sự vật hiện tượng đều không có tự tính cố hữu, mà tồn tại dựa trên mối quan hệ nhân duyên với các yếu tố khác. Cách tiếp cận này giúp người tu học hiểu rõ hơn về bản chất vô thường và vô ngã của cuộc sống, đồng thời khuyến khích họ thực hành để vượt qua khổ đau.

Vai trò của Ngài trong việc sử dụng lý luận để giải thích giáo lý không chỉ giới hạn ở việc truyền đạt tri thức, mà còn nhấn mạnh vào việc hướng dẫn người tu học đạt đến sự giác ngộ qua quá trình tự suy xét và thực hành. Phương pháp luận lý này là nền tảng cho sự phát triển của luận lý học Phật giáo sau này, trong khi các luận sư tiếp nối và hệ thống hóa những nguyên lý thành các hệ thống lý luận chặt chẽ hơn. Nhờ vào sự khởi đầu đơn giản nhưng sâu sắc của

đức Phật, luận lý học Phật giáo đã trở thành một công cụ mạnh mẽ để bảo vệ và truyền bá giáo lý, đồng thời hướng dẫn người tu học đến sự giải thoát.

## 2.2. Giai đoạn phát triển

Luận lý học Phật giáo ra đời trên cơ sở kết hợp các yếu tố nhận thức luận, bản thể luận của nền tảng triết học Duy thức tông - Kinh lượng bộ Phật giáo và phương pháp tranh biện của Nyaya - Vaisheshika. Sự kết hợp này đã khiến cho luận lý học Phật giáo có vị trí vượt trội so với các trường phái luận lý học của Ấn Độ đương thời.

Trong lịch sử phát triển của Luận lý học Phật giáo có nhiều đại luận sư đã tích cực đóng góp không chỉ trong hệ thống hóa và phát triển luận lý học Phật giáo, mà còn đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của triết học Phật giáo trên toàn thế giới, trong số đó tiêu biểu có: Long Thọ, Thánh Thiên, Trần Na, Pháp Xứng, Nguyệt Xứng, Vô Trước, Thế Thân. Họ đã tạo ra một di sản lý luận sâu sắc, giúp cho sau này hiểu rõ hơn về giáo lý và đạt được sự hiểu biết hơn trên con đường lý luận và thực hành. Trong đó:

Long Thọ (Nāgārjuna) là người sáng lập Trung Quán Tông (Madhyamaka) và được coi là một trong những luận sư vĩ đại nhất của Phật giáo Đại Thừa. Tác phẩm nổi tiếng "*Trung Luận*" (Mūlamadhyamakakārikā) của ông giới thiệu học thuyết Trung Đạo, khẳng định rằng tất cả các hiện tượng đều không có tự tính cố hữu và chỉ tồn tại qua duyên khởi. Phương pháp biện chứng tứ cú (catuṣkoṭi) mà ông phát triển đã trở thành công cụ lý luận quan trọng trong triết học Phật giáo.

Thánh Thiên (Āryadeva) là đệ tử xuất sắc của Nāgārjuna, người tiếp tục phát triển các luận điểm của Trung Quán Tông. Tác phẩm "*Bách Luận*" (Śatakaśāstra) của ông làm sáng tỏ các khái niệm về vô ngã và tính Không, đồng thời sử dụng lý luận để bác bỏ các quan điểm đối lập từ các trường phái khác. Āryadeva đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá và củng cố tư tưởng của Nāgārjuna.

Trần Na (Dignāga) là người sáng lập Nhân Minh học cổ đại, hệ thống hóa luận lý học Phật giáo thông qua tác phẩm "*Pramāṇasamuccaya*". Ông xác định hai phương tiện nhận thức chính: trực giác (pratyakṣa) và suy luận (anumāna). Những đóng góp của Dignāga đã đặt nền móng cho sự phát triển của nhận thức luận trong Phật giáo, giúp hệ thống hóa cách thức tiếp cận và phân tích tri thức.



Pháp Xứng (Dharmakīrti) kế thừa và phát triển tư tưởng của Dignāga, đưa Nhân Minh học lên một tầm cao mới. Tác phẩm như "*Nyāyabindu*" và "*Pramāṇavārttika*" của ông mở rộng khái niệm về chứng cứ (pramāṇa) và các loại suy luận logic. Dharmakīrti nhấn mạnh vào sự phân biệt giữa các loại nhận thức và ứng dụng lý luận trong việc bảo vệ và giải thích giáo lý Phật giáo, làm sâu sắc thêm nền tảng lý luận của Nhân Minh học.

Nguyệt Xứng (Chandrakīrti) là một trong những luận sư quan trọng của Trung Quán Tông, nổi tiếng với tác phẩm "*Minh Cú Luận*" (Prasannapadā). Ông làm sáng tỏ và bảo vệ các luận điểm của Nāgārjuna, đồng thời phát triển phương pháp biện chứng pháp Trung Quán. Tác phẩm "*Nhập Trung Luận*" (Madhyamakāvatāra) của Chandrakīrti tiếp tục khẳng định sự hòa hợp giữa lý luận và thực hành, giúp củng cố và truyền bá tư tưởng Trung Quán Tông.

Vô Trước (Asaṅga) là một trong những nhà sáng lập Duy Thức Tông (Yogācāra), với những đóng góp lớn trong việc phát triển lý luận về tâm thức và hiện tượng. Tác phẩm "*Du Già Sư Địa Luận*" của ông cung cấp các phân tích sâu sắc về tâm lý học và nhận thức luận, mở ra những hướng đi mới trong việc hiểu biết về bản chất của tâm thức và các hiện tượng tâm lý.

Thế Thân (Vasubandhu) là em trai của Vô Trước, cũng là một luận sư quan trọng trong Duy Thức Tông. Ông đã viết nhiều tác phẩm quan trọng như "*A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận*" và "*Duy Thức Tam Thập tụng*", phân tích sâu sắc về tâm thức và các hiện tượng tâm lý. Thế Thân đóng vai trò quan trọng trong việc hệ thống hóa và phát triển các lý luận của Duy Thức Tông, góp phần vào sự phong phú của luận lý học Phật giáo.

Tư tưởng của các đại luận sư trên đã ảnh hưởng sâu đậm đến nền triết học Phật giáo nhiều thế kỷ sau đó, cho đến ngày đại học Na-lan-đà bị các đạo quân Hồi giáo đốt phá vào cuối thế kỷ XII. Nhiều trước tác quý giá đã bị mất mát, một số khác chỉ còn lại bản dịch bằng tiếng Hán hoặc tiếng Tây Tạng.

Hơn nữa được biết, Dignāga trong thời phát triển luận lý học. Vào thế kỷ thứ 5, ông được biết đến với tên gọi "*cha đẻ*" của nhân minh học tập trung vào việc sử dụng lý luận để giải thích và bảo vệ giáo lý Phật giáo, đồng thời phản bác các quan điểm từ các trường phái triết học khác. Hệ thống này đã trở thành chuẩn mực cho các triết gia sau này trong cả Phật giáo và các trường phái triết học Ấn Độ khác.

Cấu trúc luận thức ba phần của Dignāga là một phương pháp suy luận logic chặt chẽ, bao gồm ba thành phần: Tông (kết luận), Nhân (lý do), và Dụ (ví dụ).

Tông là luận điểm cần được chứng minh, đóng vai trò làm kết luận chính của lập luận.

Ví dụ: "*Ngọn núi có lửa*" là một luận điểm cần được xác minh.

Nhân là lý do, là cơ sở lý luận được đưa ra để chứng minh cho Tông, thường dựa trên sự quan sát hoặc quy luật nhân quả. Trong trường hợp này, lý do đưa ra là "*Bởi vì trên núi có khói.*"

Dụ, phần thứ ba, bao gồm các ví dụ minh họa, nhằm làm rõ và củng cố lý do đã nêu.

Dụ thường được chia làm hai loại: Dụ đồng loại và Dụ dị loại.

+ Dụ đồng loại minh họa một trường hợp tương tự,

Ví dụ: "*Như bếp lửa có khói thì cũng có lửa,*"

+ Dụ dị loại chỉ ra một trường hợp trái ngược,

Ví dụ: "*Không như hồ nước có hơi nước nhưng không có lửa.*"

Nhờ vào sự phối hợp chặt chẽ giữa Tông, Nhân, và Dụ, cấu trúc luận thức ba phần không chỉ đảm bảo tính logic mà còn giúp người nghe dễ dàng tiếp nhận và công nhận luận điểm được trình bày. Phương pháp này không chỉ phổ biến trong triết học Phật giáo mà còn được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như hùng biện, khoa học, và tư duy biện chứng hiện đại.

Tiếp nối đó thì đến thế kỷ VII, lại có Dharmakīrti tiếp nối và phát triển sâu sắc các ý tưởng của Dignāga, đưa Nhân Minh học lên một tầm cao mới. Trong khi Dignāga đặt nền tảng bằng cách hệ thống hóa nhận thức luận với hai loại chính là hiện lượng (pratyakṣa) và tỷ lượng (anumāna), Dharmakīrti đã tinh chỉnh và mở rộng những ý tưởng này, nhấn mạnh tính hợp lý và ứng dụng thực tiễn.

Đặc biệt trong việc chứng minh các nguyên lý Phật giáo, như tính vô thường và lý thuyết nhân quả. Dharmakīrti bổ sung thêm các tiêu chí đánh giá lý do (Nhân) trong lập luận, chẳng hạn như tính liên hệ tất yếu giữa nhân và quả, giúp nâng cao tính chặt chẽ của các luận thức. Bên cạnh đó, Dharmakīrti không chỉ giữ nguyên cấu trúc ba phần (Tông, Nhân, Dụ) mà còn hoàn thiện nó bằng cách đưa ra tiêu chuẩn khắt khe để đảm bảo tính đúng đắn của Nhân và tính thuyết phục của Dụ. Tư tưởng của ông tiếp tục có ảnh hưởng lớn trong các lĩnh

vực triết học, giáo dục và thực hành tâm linh trên toàn cầu.

### **2.3. Giai đoạn lan tỏa - phát triển đến các nước và các trường phái khác:**

Ấn Độ là quốc gia đã lan tỏa luận lý học Phật giáo đến Tây Tạng. Các nhà Sư Ấn Độ, đặc biệt là vùng Bengal, đã đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo. Ở Tây Tạng đã phát triển mạnh mẽ từ thế kỷ thứ 7 và 8 sau Công nguyên. Sự bảo trợ của các vị vua Tây Tạng và sự kết hợp khéo léo giữa Phật giáo với truyền thống bản địa đã tạo nên một hệ thống Phật giáo Tây Tạng độc đáo, với các tu viện trở thành trung tâm Phật giáo và học thuật. Luận lý học Phật giáo, với những luận điểm phức tạp, đã được nghiên cứu và phát triển sâu rộng trong các tu viện này, góp phần hình thành nên triết lý Phật giáo Tây Tạng riêng biệt.

Sau đó, Phật giáo được du nhập vào Trung Quốc từ rất sớm, nhưng phải đến thế kỷ thứ 4 và 5 mới thực sự hưng thịnh. Sự tiếp xúc giữa Phật giáo với Nho giáo và Lão giáo đã dẫn đến sự hòa hợp và dung hợp, tạo nên một Phật giáo Trung Hoa mang màu sắc riêng. Luận lý học Phật giáo đã được dịch thuật, nghiên cứu và phát triển, góp phần vào sự đa dạng tư tưởng của Trung Quốc. Các tông phái Phật giáo khác nhau, như Thiên tông, Tịnh độ tông, Mật tông, đều có những đóng góp riêng vào luận lý học Phật giáo.

Tiếp đến là Nhật Bản, Phật giáo được du nhập vào Nhật Bản từ thế kỷ thứ 6, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ Trung Quốc. Sự tiếp nhận và phát triển của Phật giáo ở Nhật Bản đã dẫn đến sự ra đời của nhiều tông phái và trường phái Phật giáo độc đáo. Luận lý học Phật giáo cũng được nghiên cứu và phát triển, kết hợp với các yếu tố văn hóa Nhật Bản, tạo nên một hệ thống tư tưởng Phật giáo Nhật Bản riêng biệt. Các tác phẩm Phật giáo, bao gồm kinh điển, chú giải và các tác phẩm nguyên gốc, được nghiên cứu và lưu giữ, góp phần vào việc nghiên cứu Phật giáo phương Đông.

Luận lý học Phật giáo không chỉ giới hạn trong ba nước trên mà còn lan tỏa đến nhiều vùng miền khác nhau, các trường phái khác nhau. Tạo nên sự đa dạng về văn hóa và lịch sử đã dẫn đến sự phát triển của nhiều trường phái Phật giáo khác nhau, mỗi trường phái có những đặc điểm riêng về luận lý học. Việc nghiên cứu luận lý học Phật giáo đòi hỏi sự tiếp cận đa chiều, bao quát sự đa dạng của các trường phái này. Sự phát triển của luận lý học Phật giáo phản ánh sự thích ứng và phát triển của Phật giáo trong nhiều bối cảnh văn hóa khác nhau trên thế giới.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

#### **2.4. Giai đoạn suy tàn và tái phát triển của luận lý học Phật giáo**

Phật giáo được xuất hiện ở Ấn Độ, sau thời kỳ thịnh vượng kéo dài nhiều thế kỷ, đã trải qua giai đoạn suy tàn bắt đầu từ khoảng thế kỷ thứ 5 sau Công nguyên. Nhiều yếu tố đã góp phần vào làm cho Phật giáo ở đây có sự suy giảm. Đó là sự phục hưng của Bà La Môn giáo, với sự ủng hộ của các triều đại cai trị, đã tạo ra áp lực lớn lên Phật giáo. Sự phân chia nội bộ trong Phật giáo, dẫn đến sự hình thành nhiều tông phái nhỏ lẻ, cũng làm suy yếu sức mạnh tổng thể của Phật giáo. Thêm vào đó, sự xâm lược của người Hồi giáo đã gây ra sự tàn phá nghiêm trọng đối với các trung tâm Phật giáo và dẫn đến sự diệt vong của nhiều kinh điển và học giả. Sự suy đồi về mặt đạo đức của một số tăng sĩ và sự thiếu kế thừa trong việc truyền bá giáo lý cũng được coi là những nguyên nhân nội tại góp phần vào sự suy tàn.

Mặc dù ở Ấn Độ Phật giáo dần suy yếu, nhưng luận lý học Phật giáo đã tìm thấy một vùng đất mới để bắt đầu phát triển mạnh mẽ lại ở Tây Tạng. Từ thế kỷ thứ VII, Phật giáo được du nhập vào Tây Tạng và nhanh chóng trở thành quốc giáo. Các học giả Tây Tạng đã tích cực nghiên cứu và phát triển các hệ thống luận lý học Phật giáo, kết hợp chúng với các truyền thống bản địa, tạo nên một Phật giáo Tây Tạng độc đáo và phức tạp. Các tu viện Tây Tạng trở thành trung tâm nghiên cứu và bảo tồn luận lý học Phật giáo, lưu giữ và phát triển những kiến thức quý báu đã bị mất mát ở Ấn Độ.

Theo đó, trong thế kỷ XX, Phật giáo, bao gồm cả luận lý học Phật giáo, đã lan tỏa đến phương Tây. Sự quan tâm ngày càng tăng đối với triết lý phương Đông

đã dẫn đến việc nghiên cứu và dịch thuật các kinh điển Phật giáo, mở ra một chân trời mới cho việc nghiên cứu và ứng dụng luận lý học Phật giáo. Các học giả phương Tây đã đóng góp đáng kể vào việc hiểu và giải thích luận lý học Phật giáo, làm cho nó trở nên dễ tiếp cận hơn với công chúng. Sự phát triển của các trung tâm Phật giáo và các chương trình đào tạo Phật học ở phương Tây đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá và phát triển luận lý học Phật giáo.

### **Chương 3: Vai trò và ứng dụng hiện đại của luận lý học Phật giáo**

Luận lý học Phật giáo không chỉ là một hệ thống tư duy logic mà còn là một công cụ quan trọng trong việc nghiên cứu, hiểu biết và ứng dụng Phật pháp. Nó đóng vai trò then chốt trong việc diễn giải giáo lý, thúc đẩy tu tập, và thậm chí có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều lĩnh vực trong đời sống hiện đại.

Một trong những vai trò chính của luận lý học Phật giáo là làm sáng tỏ giáo lý Phật giáo, với những khái niệm trừu tượng như vô thường, vô ngã, nghiệp báo, cần được diễn giải một cách rõ ràng, logic để tránh hiểu lầm. Luận lý học cung cấp khung sườn tư duy chặt chẽ, giúp phân tích các khái niệm này một cách hệ thống, từ đó dẫn đến sự hiểu biết chính xác và sâu sắc hơn. Các phương pháp biện luận, chẳng hạn như tứ đoạn luận, giúp giải thích giáo lý một cách mạch lạc, dễ hiểu, khắc phục những hạn chế của ngôn từ thông thường. Việc sử dụng luận lý học góp phần loại bỏ những hiểu lầm phổ biến, đồng thời ngăn ngừa sự phát sinh của các tà thuyết.

Nó còn đóng vai trò quan trọng trong quá trình tu tập, luận lý học giúp người tu tập phát triển tư duy minh mẫn, phân biệt đúng sai, thiện ác, giúp họ loại bỏ những nhận thức sai lầm và những vọng tưởng phi lý. Việc rèn luyện tư duy logic giúp người tu tập có một tâm thức tĩnh lặng, tỉnh táo, từ đó dễ dàng đạt được sự an lạc và giải thoát. Mà còn hỗ trợ trong việc giải quyết các vấn đề tâm lý, giúp họ vượt qua những khó khăn, thách thức trong cuộc sống. Sự hiểu biết sâu sắc về tính vô thường, vô ngã, giúp họ chấp nhận thực tế và sống một cách nhẹ nhàng, tỉnh thức hơn.

Trong đời sống hiện đại, khả năng phân tích vấn đề, đưa ra lập luận chặt chẽ, trình bày ngắn gọn, mạch lạc là những kỹ năng rất cần thiết trong mọi lĩnh vực, từ kinh doanh, chính trị đến khoa học và nghệ thuật. Sự tỉnh táo, minh mẫn, được rèn luyện thông qua việc tu tập dựa trên luận lý Phật giáo, giúp con người đưa ra quyết định đúng đắn, tránh những sai lầm đáng tiếc.

Không những vậy, trong thời đại thông tin bùng nổ như hiện nay, luận lý học Phật giáo có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phân biệt thông tin đúng đắn và sai lệch. Với khả năng tư duy logic, người ta dễ dàng nhận diện những luận điệu sai trái, những thông tin thiếu cơ sở, từ đó có những lựa chọn thông tin khôn ngoan và tránh bị lừa dối.

Tóm lại, đây là một môn học không chỉ là một bộ phận của Phật học mà còn là một công cụ hữu ích, có ứng dụng thiết thực trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Việc nghiên cứu và ứng dụng luận lý học Phật giáo không chỉ giúp chúng ta hiểu biết Phật pháp sâu sắc hơn mà còn giúp chúng ta sống tốt hơn, thành công hơn trong cuộc đời. Sự phát triển và ứng dụng luận lý học Phật giáo trong thời đại hiện nay có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đặc biệt đối với nhà hoằng pháp trong công cuộc "*xiển dương đạo pháp*" của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thì điều này càng cần thiết hơn bao giờ hết.

### III. Kết luận

Luận lý học Phật giáo, hay nhân minh học, không phải là một hệ thống xuất hiện đột ngột mà là kết quả của một quá trình hình thành và phát triển lâu dài, chịu ảnh hưởng từ nhiều nguồn tư tưởng khác nhau trong lịch sử Ấn Độ cổ đại. Khởi nguồn từ sự cần thiết diễn giải giáo lý Phật giáo một cách chặt chẽ, logic và phản bác các luồng tư tưởng đương thời, luận lý học Phật giáo đã dần hình thành một hệ thống tư duy riêng biệt, độc đáo. Sự xuất hiện của các luận sư nổi tiếng đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của luận lý học Phật giáo, đưa nó lên một tầm cao mới về tính hệ thống và độ chính xác.

Mặc dù Phật giáo ở Ấn Độ suy tàn, luận lý học Phật giáo vẫn được bảo tồn và phát triển mạnh mẽ ở Tây Tạng, hòa quyện với văn hóa bản địa tạo thành một trường phái Phật giáo Tây Tạng độc đáo. Sự lan tỏa của Phật giáo đến phương Tây trong thế kỷ XX cũng góp phần làm cho luận lý học Phật giáo được nhiều người biết đến và nghiên cứu.

Tóm lại, quá trình hình thành và phát triển của luận lý học Phật giáo là một minh chứng sinh động cho sự thích ứng và phát triển của Phật giáo trong lịch sử. Từ một công cụ để diễn giải giáo lý, luận lý học Phật giáo đã trở thành một hệ thống tư duy sâu sắc, có ảnh hưởng lớn đến cả Phật giáo và nhiều lĩnh vực khác trong đời sống xã hội. Vậy nên, cốt lõi của luận lý học Phật giáo đã không chỉ giúp định hình nền tảng triết học của Phật giáo mà còn đóng góp quan trọng cho sự phát triển của khoa học nhận thức, tâm lý học, và triết học hiện đại, là ngọn đèn soi sáng con đường thực hành, giúp con người hiểu sâu sắc bản chất của chính mình và thế giới xung quanh. Qua đó còn cho thấy, hệ thống này tiếp

tục truyền cảm hứng cho các thế hệ sau trong hành trình tìm kiếm trí tuệ, sự thật, và giác ngộ.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. HT.Thích Thiện Siêu (1994), Lối vào Nhân minh học, Viện Nghiên cứu Phật học ấn hành.
2. HT.Nhất Hạnh (1950), Đông Phương luận lý học.NXB Hương Quê.
3. Phạm Quỳnh (2021), Logic Học Phật Giáo, NXB Dân trí.
4. Thích Thiện Chánh (dịch) (2022), Nền tảng Phật giáo Đại thừa, NXB Thuận Hóa.
5. Thích Thiện Chánh (dịch) (2022), Triết học Phật giáo Ấn Độ và Tích Lan, NXB Hồng Đức.
6. GS. Vũ Thế Ngọc (2016), Triết học Long Thọ, NXB Thế Giới.

### **Tài liệu online:**

1. Tuệ Sỹ, Nghiệp trong triết học – Tôn giáo Ấn Độ, [https://tuesy.net/ngiep-trong-triet-hoc-ton-giao-an-do?shareType=1&utm\\_source=direct&utm\\_medium=share&utm\\_campaign=news](https://tuesy.net/ngiep-trong-triet-hoc-ton-giao-an-do?shareType=1&utm_source=direct&utm_medium=share&utm_campaign=news).
2. Thích Đồng Niệm, Vai trò của Luận lý học Phật giáo, <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/vai-tro-cua-logic-hoc-phat-giao.html>.
3. Thích Nhuận Châu dịch việt, Luận Lý học Phật giáo, <https://thuvienhoasen.org/images/file/ZolZ-ARc1QgQAP4M/luan-ly-hoc-phat-giao-thich-nhuan-chau-dich.pdf>.
4. Thích Nhuận Châu dịch việt, Tổng quan về các hệ thống triết học Ấn Độ, [https://thuvienhoasen.org/a28935/tong-quan-ve-cac-he-thong-triet-hoc-an-do?\\_\\_cf\\_chl\\_tk=JYall\\_B1ypu9uNTHi6S5Z8eDDKtQHMuCjsn9k8KPqKY-1736216541-1.0.1.1-BgWjaci4WbKusgak4aKv6.wgBVACruk7jyRoNwSYsyk&shareType=1&utm\\_source=direct&utm\\_medium=share&utm\\_campaign=news](https://thuvienhoasen.org/a28935/tong-quan-ve-cac-he-thong-triet-hoc-an-do?__cf_chl_tk=JYall_B1ypu9uNTHi6S5Z8eDDKtQHMuCjsn9k8KPqKY-1736216541-1.0.1.1-BgWjaci4WbKusgak4aKv6.wgBVACruk7jyRoNwSYsyk&shareType=1&utm_source=direct&utm_medium=share&utm_campaign=news).
5. SC Minh Thức, Phong trào Phật giáo Đại thừa, [https://www.phatgiaobinhdinhhinh.vn/mPost/421/phong-trao-phat-giao-dai-thua?shareType=1&utm\\_source=direct&utm\\_medium=share&utm\\_campaign=news](https://www.phatgiaobinhdinhhinh.vn/mPost/421/phong-trao-phat-giao-dai-thua?shareType=1&utm_source=direct&utm_medium=share&utm_campaign=news).
6. Thích Mãn Giác, Tìm hiểu Sáu phái triết học Ấn Độ, [https://tuvienquangduc.com.au/triet/136sauphai1.html?shareType=1&utm\\_source=direct&utm\\_medium=share&utm\\_campaign=news](https://tuvienquangduc.com.au/triet/136sauphai1.html?shareType=1&utm_source=direct&utm_medium=share&utm_campaign=news).
7. Tỳ kheo Thiện Minh dịch, Luận lý học Phật giáo, [http://triethoc.edu.vn/vi/chuyen-de-triet-hoc/logic-hoc-tu-duy-phan-bien/luan-ly-hoc-phat-giao-mo-dau-3\\_2892.html?shareType=1&utm\\_source=direct&utm\\_medium=share&utm\\_campaign=news](http://triethoc.edu.vn/vi/chuyen-de-triet-hoc/logic-hoc-tu-duy-phan-bien/luan-ly-hoc-phat-giao-mo-dau-3_2892.html?shareType=1&utm_source=direct&utm_medium=share&utm_campaign=news).

Tác giả: **Thích nữ Nguyệt Viên (Vũ Thị Loan)**

Học viên Cao học K.3 - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.